

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁT TIỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **877**/QĐ-UBND

Cát Tiên, ngày **17** tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2024 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT TIỀN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Kết luận số 1379-KL/HU ngày 16/9/2024 của Ban Thường vụ Huyện ủy tại cuộc họp ngày 11 tháng 9 năm 2024;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2024 của các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ. Cụ thể như sau:

1. Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2024: 28.828.327.000 đồng

Trong đó:

- Các cơ quan, đơn vị dự toán thuộc ngân sách huyện: 22.175.220.000 đồng
- UBND các xã, thị trấn: 6.653.107.000 đồng

2. Nguồn kinh phí:

- Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp của các đơn vị: 1.018.378.000 đồng
- Nguồn cải cách tiền lương ngân sách cấp xã năm 2023 chuyển sang năm 2024: 6.334.476.000 đồng

- Nguồn cải cách tiền lương ngân sách huyện năm 2023 chuyển sang năm 2024 bổ sung cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn: 21.475.473.000 đồng

(Kèm theo biểu số 1, 2)

Điều 2. Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch thông báo chi tiết nguồn kinh phí này đến các đơn vị có tên tại điều 1. Đồng thời, hướng dẫn thanh quyết toán nguồn kinh phí theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc KBNN Cát Tiên, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./- 

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thực hiện);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu: VT, TCKH.



Nguyễn Hoàng Phúc



Biểu số 1: BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CCTL NĂM 2024
CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2024/NĐ-CP
(Kèm theo Quyết định số: 877/QĐ-UBND ngày 17/9/2024 của UBND huyện Cát Tiên)

Dvt: đồng

	NỘI DUNG	Tổng nhu cầu thực hiện CCTL năm 2024 theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	Nguồn kinh phí thực hiện CCTL năm 2024	Trong đó		Ghi chú
				Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp	Nguồn CCTL ngân sách huyện năm 2023 chuyển sang năm 2024 bổ sung cho các cơ quan, đơn vị	
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	17.879.000.000	17.879.000.000	984.378.000	16.894.622.000	
1.1	Các trường trực thuộc UBND huyện	17.612.800.000	17.612.800.000	959.278.000	16.653.522.000	
1	Trường MN Quảng Ngãi	441.100.000	441.100.000	41.600.000	399.500.000	
2	Trường MN Phù Mỹ	552.100.000	552.100.000	98.820.000	453.280.000	
3	Trường MN Đồng Nai	569.700.000	569.700.000	102.699.000	467.001.000	
4	Trường MN Đức Phổ	266.000.000	266.000.000	20.480.000	245.520.000	
5	Trường MN Phước Cát	520.500.000	520.500.000	47.392.000	473.108.000	
6	Trường MN Phước Cát 2	453.000.000	453.000.000	23.400.000	429.600.000	
7	Trường MN Nam Ninh	476.400.000	476.400.000	30.257.000	446.143.000	
8	Trường MN Gia Viễn	506.900.000	506.900.000	64.410.000	442.490.000	
9	Trường MN Tiên Hoàng	281.400.000	281.400.000	36.950.000	244.450.000	
10	Trường MN Đồng Nai Thượng	270.000.000	270.000.000	14.080.000	255.920.000	
11	Trường TH Quảng Ngãi	549.100.000	549.100.000		549.100.000	
12	Trường TH Phù Mỹ	673.800.000	673.800.000		673.800.000	
13	Trường TH Lê Hồng Phong	1.203.900.000	1.203.900.000		1.203.900.000	
14	Trường TH Đức Phổ	441.500.000	441.500.000		441.500.000	
15	Trường TH Phước Cát	1.210.700.000	1.210.700.000		1.210.700.000	
16	Trường TH Phước Cát 2	657.500.000	657.500.000		657.500.000	
17	Trường TH Gia Viễn	789.000.000	789.000.000		789.000.000	
18	Trường TH Tiên Hoàng	521.200.000	521.200.000		521.200.000	
19	Trường TH Nam Ninh	623.500.000	623.500.000		623.500.000	

	NỘI DUNG	Tổng nhu cầu thực hiện CCTL năm 2024 theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	Nguồn kinh phí thực hiện CCTL năm 2024	Trong đó		Ghi chú
				Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp	Nguồn CCTL ngân sách huyện năm 2023 chuyển sang năm 2024 bổ sung cho các cơ quan, đơn vị	
20	Trường THCS Quảng Ngãi	639.100.000	639.100.000	43.576.000	595.524.000	
21	Trường THCS Đồng Nai	1.428.500.000	1.428.500.000	181.040.000	1.247.460.000	
22	Trường THCS Đức Phổ	527.200.000	527.200.000	34.016.000	493.184.000	
23	Trường THCS Phước Cát	991.800.000	991.800.000	60.683.000	931.117.000	
24	Trường THCS Phước Cát 2	456.500.000	456.500.000	16.415.000	440.085.000	
25	Trường THCS Gia Viễn	692.400.000	692.400.000	64.944.000	627.456.000	
26	Trường THCS Nam Ninh	577.900.000	577.900.000	18.030.000	559.870.000	
27	Trường THCS Tiên Hoàng	586.900.000	586.900.000	45.360.000	541.540.000	
28	Trường TH&THCS Đồng Nai Thượng	705.200.000	705.200.000	15.126.000	690.074.000	
1.2	Trung tâm GDNN-GDTX	216.900.000	216.900.000	25.100.000	191.800.000	
1.3	Trung tâm chính trị	49.300.000	49.300.000		49.300.000	
2	Sự nghiệp văn hoá thông tin	296.600.000	296.600.000	34.000.000	262.600.000	
	Trung tâm Văn hoá, thông tin và thể thao	296.600.000	296.600.000	34.000.000	262.600.000	
3	Sự nghiệp kinh tế	321.800.000	321.800.000	0	321.800.000	
	Trung tâm nông nghiệp	321.800.000	321.800.000		321.800.000	
4	Sự nghiệp môi trường	260.000.000	260.000.000	0	260.000.000	
	Ban quản lý dự án ĐTXD và CTCC	260.000.000	260.000.000		260.000.000	
5	Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	3.328.396.000	3.328.396.000	0	3.328.396.000	
	- <i>Quản lý NN</i>					
	Phòng Y tế	39.900.000	39.900.000		39.900.000	
	Phòng Tài Nguyên và MT	120.100.000	120.100.000		120.100.000	
	Phòng Tư Pháp	76.300.000	76.300.000		76.300.000	
	Phòng Nội vụ	161.900.000	161.900.000		161.900.000	
	Thanh Tra huyện	102.200.000	102.200.000		102.200.000	
	Phòng Lao động TB&XH	123.600.000	123.600.000		123.600.000	

	NỘI DUNG	Tổng nhu cầu thực hiện CCTL năm 2024 theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	Nguồn kinh phí thực hiện CCTL năm 2024	Trong đó		Ghi chú
				Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp	Nguồn CCTL ngân sách huyện năm 2023 chuyển sang năm 2024 bổ sung cho các cơ quan, đơn vị	
	Phòng Văn hóa - Thông tin	81.900.000	81.900.000		81.900.000	
	Phòng Kinh tế - Hạ Tầng	120.000.000	120.000.000		120.000.000	
	Phòng Nông Nghiệp - PTNT	168.000.000	168.000.000		168.000.000	
	Văn phòng HĐND - UBND	461.100.000	461.100.000		461.100.000	
	Phòng Giáo Dục và Đào tạo	175.900.000	175.900.000		175.900.000	
	Phòng Tài Chính - Kế hoạch	149.600.000	149.600.000		149.600.000	
	Hạt Kiểm lâm	219.972.000	219.972.000		219.972.000	
	- Đảng					
	Văn phòng Huyện uỷ	756.900.000	756.900.000		756.900.000	
	Chi bộ khối cơ quan Đảng	5.616.000	5.616.000		5.616.000	
	Chi bộ Tài chính - Thống kê	4.644.000	4.644.000		4.644.000	
	Chi bộ Văn phòng HĐND và UBND huyện	5.616.000	5.616.000		5.616.000	
	Chi bộ Mặt trận - đoàn thể	5.616.000	5.616.000		5.616.000	
	Chi bộ Nội vụ - Lao động	4.644.000	4.644.000		4.644.000	
	Chi bộ Thanh tra - Tư pháp - Tài nguyên	4.644.000	4.644.000		4.644.000	
	Chi bộ Giáo dục và Đào tạo	4.644.000	4.644.000		4.644.000	
	Chi bộ Văn hóa - Thông tin và thể thao	4.644.000	4.644.000		4.644.000	
	Chi bộ Nông nghiệp và PTNT	4.644.000	4.644.000		4.644.000	
	Chi bộ Kinh tế và Hạ tầng	4.644.000	4.644.000		4.644.000	
	- Đoàn thể					
	Ủy ban MTTQVN huyện	141.500.000	141.500.000		141.500.000	
	Hội Phụ nữ	99.200.000	99.200.000		99.200.000	
	Hội Nông dân	95.300.000	95.300.000		95.300.000	
	Hội chữ thập đỏ	46.800.000	46.800.000		46.800.000	
	Huyện đoàn	67.900.000	67.900.000		67.900.000	

	NỘI DUNG	Tổng nhu cầu thực hiện CCTL năm 2024 theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	Nguồn kinh phí thực hiện CCTL năm 2024	Trong đó		Ghi chú
				Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp	Nguồn CCTL ngân sách huyện năm 2023 chuyển sang năm 2024 bổ sung cho các cơ quan, đơn vị	
	Hội cựu chiến binh	44.400.000	44.400.000		44.400.000	
	- Các hội đặc thù					
	Hội Khuyến học	7.128.000	7.128.000		7.128.000	
	Hội người cao tuổi	10.368.000	10.368.000		10.368.000	
	Hội nạn nhân chất độc màu da cam	9.072.000	9.072.000		9.072.000	
6	Chi quốc phòng	89.424.000	89.424.000		89.424.000	
	Ban chỉ huy Quân sự huyện	89.424.000	89.424.000		89.424.000	
	TỔNG CỘNG	22.175.220.000	22.175.220.000	1.018.378.000	21.156.842.000	



**Biểu số 2: BIỂU KINH PHÍ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG
CÁC XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số: 877/QĐ-UBND ngày 17/9/2024 của UBND huyện Cát Tiên)

Đvt: đồng

STT	Đơn vị	Tổng nhu cầu thực hiện CCTL năm 2024	Nguồn kinh phí		Ghi chú
			Nguồn CCTL ngân sách cấp xã năm 2023 chuyển sang năm 2024	Kinh phí còn lại phải bổ sung từ nguồn CCTL ngân sách huyện năm 2024	
1	Thị trấn Cát Tiên	950.904.000	950.904.000		
2	Thị trấn Phước Cát	764.358.000	764.358.000	0	
3	Xã Quảng Ngãi	646.370.000	646.370.000	0	
4	Xã Phước Cát 2	700.530.000	700.530.000	0	
5	Xã Gia Viễn	812.442.000	663.373.000	149.069.000	
6	Xã Nam Ninh	769.172.000	769.172.000	0	
7	Xã Đức Phở	667.070.000	667.070.000	0	
8	Xã Tiên Hoàng	685.616.000	516.054.000	169.562.000	
9	Xã Đồng Nai Thượng	656.645.000	656.645.000	0	
	Tổng cộng	6.653.107.000	6.334.476.000	318.631.000	